

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 9 năm 2022
“V/v Ly hôn, tranh chấp chia tài
sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Ông Trần Văn Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 215/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp chia tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 386/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà L C T; Sinh năm: 2001(Có mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, xã K B Đ, huyện TVT, tỉnh CM0.

- Bị đơn: Ông V T P; Sinh năm: 2000 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp ĐS, xã PT, huyện PT, tỉnh CM.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà T T H; Sinh năm: 1977. (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp ĐS, xã PT, huyện PT, tỉnh CM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 6 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà L C T trình bày:

Về hôn nhân: Bà L C T và ông V T P sống chung với nhau như vợ, chồng vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PT, huyện PT, tỉnh CM ngày 01/3/2022 (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 19/2022). Quá trình sống chung với nhau thời gian đầu rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất

đồng quan điểm. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do mâu thuẫn đã trầm trọng. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V T P.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ngày cưới, Cha, Mẹ chồng có cho 10 chỉ vàng 24k, 01 đôi bông tay trọng lượng 01 chỉ vàng 18k, 01 chiếc nhẫn trọng lượng 01 chỉ vàng 18k. Số vàng này hiện mẹ chồng bà là bà T T H quản lý. Bà yêu cầu bà T T H trả lại cho vợ chồng bà để bà chia tài sản chung của vợ chồng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được chia 05 chỉ vàng 24k, 01 đôi bông tay trọng lượng 01 chỉ vàng 18k, 01 chiếc nhẫn trọng lượng 01 chỉ vàng 18k. Tại phiên họp hòa giải ngày 12/8/2022 và tại phiên Tòa bà L C T thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu bà T T H trả cho bà 05 chỉ vàng 24k, 01 chiếc nhẫn trọng lượng 01 chỉ vàng 18k.

- Bị đơn ông V T P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông V T P vắng mặt không lý do và không cung cấp lời khai, chứng cứ về việc khởi kiện của bà L C T.

- Tại biên bản hòa giải ngày 12 tháng 8 năm 2022 và tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà T T H trình bày: Bà T T H thừa nhận bà có nhận số vàng của bà L C T, ông V T P gửi. Khi ly hôn, bà đồng ý giao lại cho bà L C T 05 chỉ vàng 24k, 01 chiếc nhẫn trọng lượng 01 chỉ vàng 18k. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà T T H thay đổi lời trình bày của mình, bà cho rằng chiếc nhẫn có trọng lượng 07 phân vàng 18k. Bà đồng ý giao trả lại bà L C T 05 chỉ vàng 24k, 01 chiếc nhẫn trọng lượng 07 phân vàng 18k nhưng trả dần. Riêng đối với số vàng còn lại 05 chỉ vàng 24k, 01 đôi bông tay có trọng lượng 07 phân vàng 18k, khi nào con bà là ông V T P yêu cầu bà trả thì bà giao lại cho ông V T P.

Tại phiên tòa, bà L C T đồng ý lời trình bày của bà T T H về việc trả cho bà 05 chỉ vàng 24k, 01 chiếc nhẫn trọng lượng 07 phân vàng 18k, không đồng ý cho bà T T H trả dần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung tranh chấp giữa bà L C T với ông V T P được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Ông V T P là bị đơn có nơi cư trú tại xã PT, huyện PT, tỉnh CM nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án ông V T P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông V T P.

[3] Về hôn nhân: Bà L C T với ông V T P sống chung với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PT, huyện PT, tỉnh CM theo giấy chứng

nhận kết hôn số 19/2022, ngày 01/3/2022, do đó hôn nhân của bà L C T với ông V T P là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà L C T xác định quá trình sống chung vợ, chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V T P. Đối với ông V T P, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông V T P vẫn vắng mặt không lý do, không cung cấp tài liệu, lời khai và chứng cứ để phản đối yêu cầu khởi kiện của bà L C T nên ông V T P tự chịu hậu quả của việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Hội đồng xét xử nhận thấy, bà L C T đã gửi đơn yêu cầu ly hôn một thời gian dài nhưng ông V T P không có ý kiến gì, điều đó cho thấy ông V T P không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa bà L C T với ông V T P đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu bà L C T được ly hôn với ông V T P.

[4] Về con chung: Bà L C T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Về tài sản chung bà L C T xác định ngày cưới cha mẹ chồng có cho 10 chỉ vàng 24k, 01 đôi bông tay trọng lượng 07 phân vàng 18k, 01 chiếc nhẫn trọng lượng 07 phân vàng 18k. Khi ly hôn bà yêu cầu được chia 05 chỉ vàng 24k, 01 chiếc nhẫn trọng lượng 07 phân vàng 18k. Quá trình giải quyết vụ án ông V T P cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà L C T. Tại phiên tòa, bà T T H (mẹ ruột ông V T P) thừa nhận còn thiếu bà L C T, ông V T P 10 chỉ vàng 24k, 01 đôi bông tay trọng lượng 07 phân vàng 18k, 01 chiếc nhẫn trọng lượng 07 phân vàng 18k. Bà T T H đồng ý trả cho bà L C T 05 chỉ vàng 24k, 01 chiếc nhẫn trọng lượng 07 phân vàng 18k nhưng trả dần.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử nhận thấy tài sản chung của bà L C T và ông V T P là 10 chỉ vàng 24k, 01 đôi bông tay trọng lượng 07 phân vàng 18k, 01 chiếc nhẫn trọng lượng 07 phân vàng 18k. Khi ly hôn, bà L C T yêu cầu được chia 05 chỉ vàng 24k và 01 chiếc nhẫn có trọng lượng 07 phân vàng 18k là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc bà T T H có nghĩa vụ trả cho bà L C T 05 chỉ vàng 24k, 01 chiếc nhẫn trọng lượng 07 phân vàng 18k. Đối với ý kiến của bà T T H yêu cầu trả dần số vàng cho bà L C T, tại phiên tòa bà L C T không đồng ý cho bà T T H trả dần, do đó ý kiến của bà T T H không có cơ sở chấp nhận. Ông V T P được chia 05 chỉ vàng 24k và 01 đôi bông tay trọng lượng 07 phân vàng 18k. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, ông V T P không có yêu cầu bà T T H trả lại tài sản nên Tòa án không xem xét giải quyết, nếu sau này có tranh chấp ông V T P có quyền khởi kiện bà T T H để đòi lại tài sản là 05 chỉ vàng 24k và 07 phân vàng 18k.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình bà L C T phải chịu là 300.000 đồng.
- Án phí dân sự có giá ngạch bà L C T phải chịu đối với 05 chỉ vàng 24k và 07 phân vàng 18k là 1.384.500 đồng; Án phí dân sự có giá ngạch ông V T P phải chịu đối

với 05 chỉ vàng 24k và 07 phân vàng 18k là 1.384.500 đồng; Bà T T H phải chịu đối với 05 chỉ vàng 24k và 07 phân vàng 18k là 1.384.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 212, 147, 207, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 38, 51, 56, của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà L C T với ông V T P.

2. Về tài sản chung gồm: 10 chỉ vàng 24k, 01 đôi bông tay trọng lượng 07 phân vàng 18k, 01 chiếc nhẫn trọng lượng 07 phân vàng 18k. Bà L C T được chia 05 chỉ vàng 24k và 01 chiếc nhẫn có trọng lượng 07 phân vàng 18k. Ông V T P được chia 05 chỉ vàng 24k và 01 đôi bông có trọng lượng 07 phân vàng 18k.

Buộc bà T T H có nghĩa vụ trả cho bà L C T 05 (Năm) chỉ vàng 24k và 07 (Bảy) phân vàng 18k.

4. Án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Bà L C T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Bà L C T phải chịu 1.384.500 đồng. Tổng cộng bà L C T phải chịu 1.684.500 (Một triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm đồng) đồng nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí ngày 21 tháng 6 năm 2022, bà L C T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 1.500.000 đồng theo biên lai số 0018024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Bà L C T còn phải nộp tiếp số tiền 184.500 đồng (Một trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm đồng) khi bản án có hiệu lực, pháp luật;

+ Ông V T P và bà T T H mỗi người phải chịu 1.384.500 đồng (Một triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm đồng) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân khi bản án có hiệu lực, pháp luật.

Bà L C T, bà T T H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông V T P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; trường hợp không thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự phải chịu các biện pháp cưỡng chế thi hành án theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân;
- UBND xã Phú Thuận, huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Bình